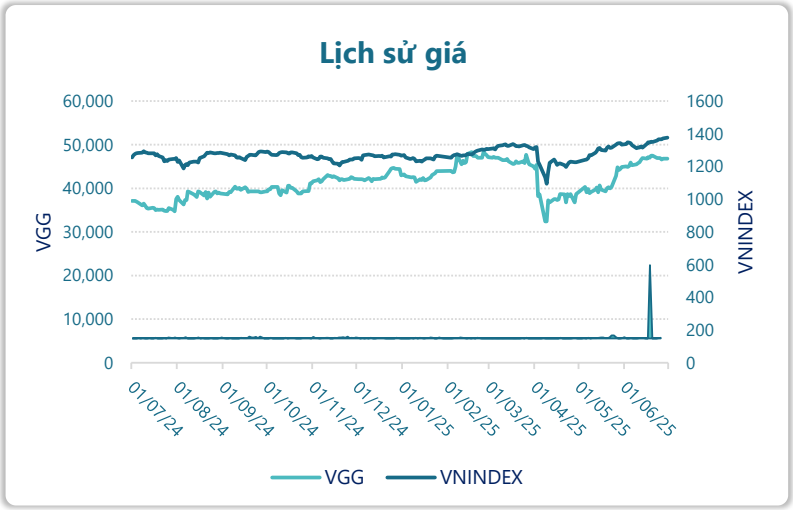
FireAnt

Tổng CTCP May Việt Tiến (UPCOM: VGG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**46,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,370
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,408
SL cổ phiếu LH	44,100,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,210
% sở hữu nước ngoài	15.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,064
P/E	5.1
EPS	9,147

DT thuần

Q2/25

2,918

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 662| 29.4%

YoY: ▼182| -5.9%

LN sau thuế

Q2/25

105

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.90| 10.4%

YoY: ▲ 2.00| 1.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

4.4%

+/- YoY: ▲ 0.3%

DT thuần

6T 2025

5,174

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 242| 4.9%

LN sau thuế

6T 2025

200

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 59.0| 42.2%

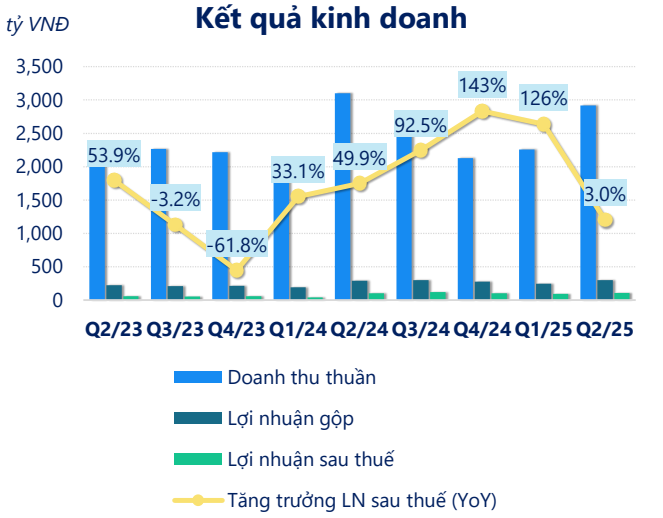
ROE

Q2/25

18.8%

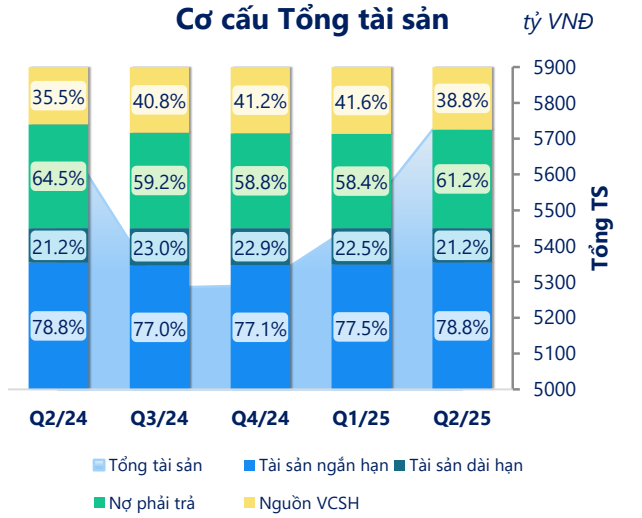
+/- YoY: ▲ 6.4%

Kết quả kinh doanh



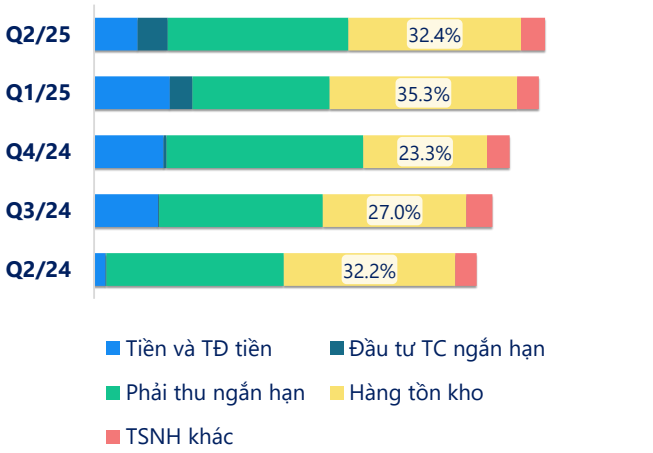
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



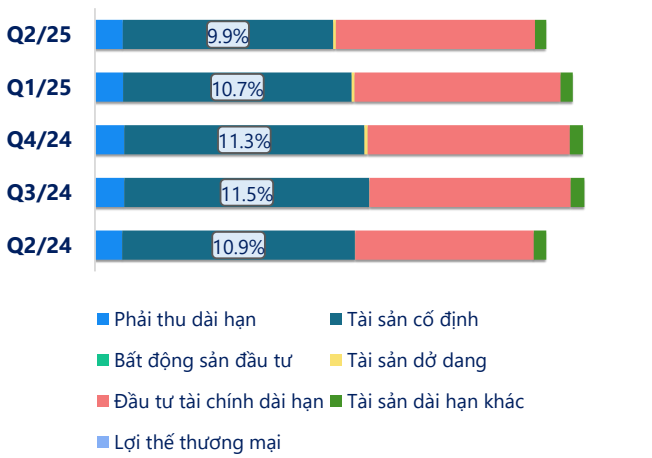
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



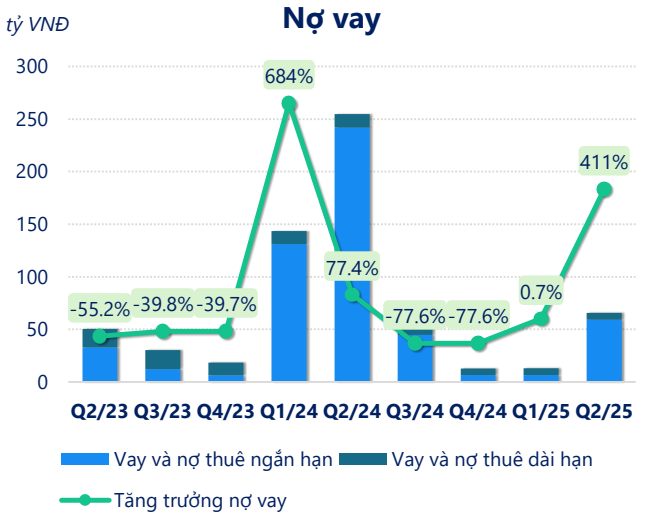
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



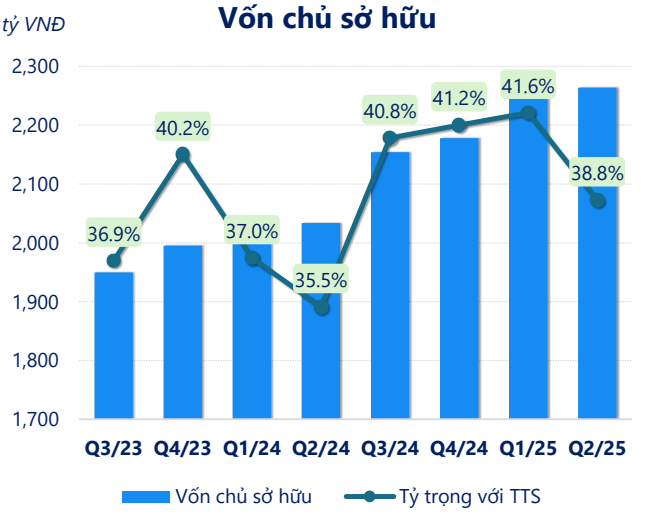
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



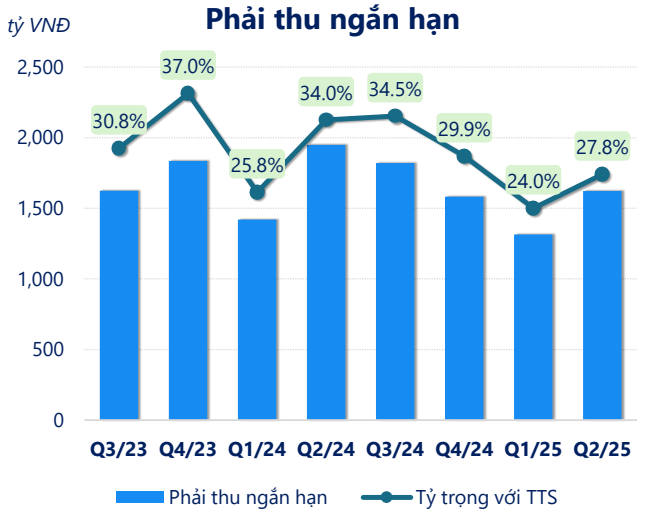
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



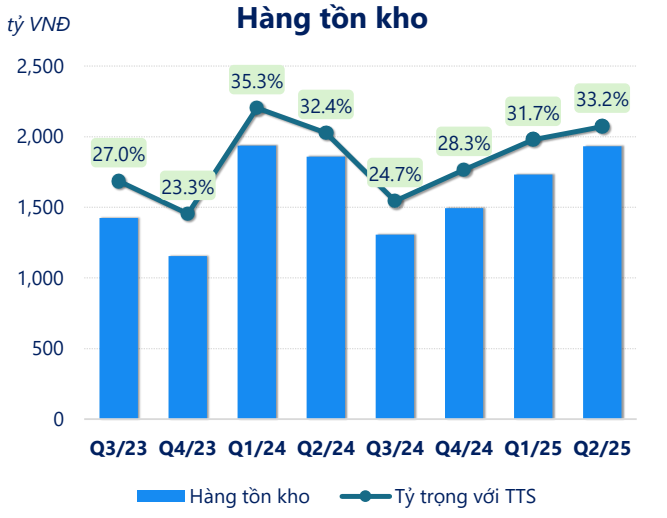
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



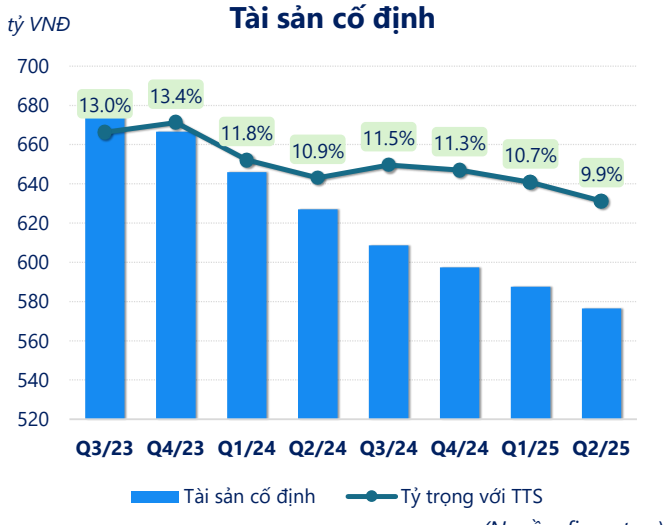
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



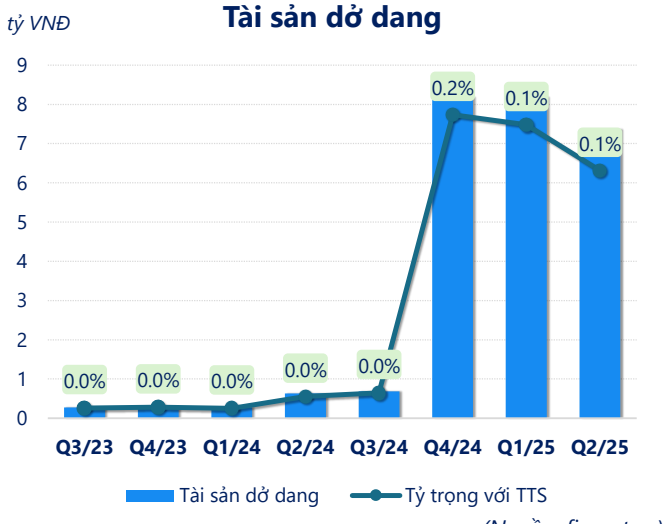
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



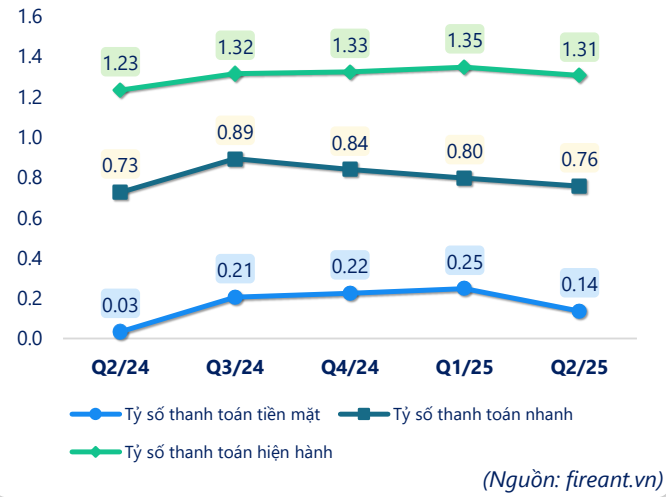
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



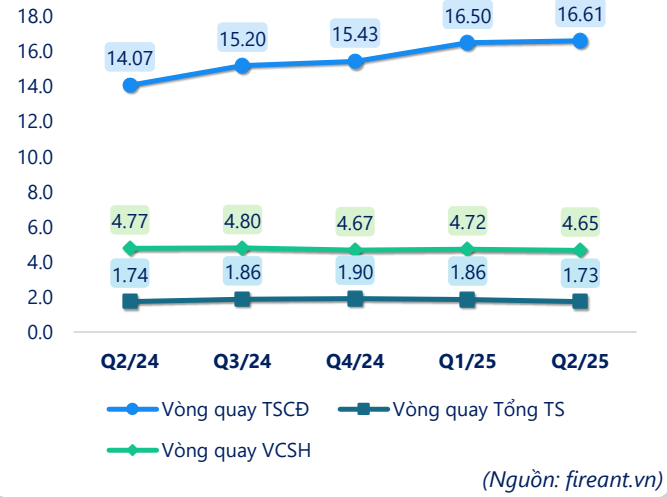
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**5,728**	**5,284**	**5,290**	**5,473**	**5,830**
Tài sản ngắn hạn	**4,512**	**4,068**	**4,077**	**4,243**	**4,593**
Tiền và tương đương tiền	123	637	691	780	477
Đầu tư tài chính ngắn hạn	324	105	121	215	257
Phải thu ngắn hạn	1,948	1,820	1,582	1,314	1,623
Hàng tồn kho	1,858	1,306	1,495	1,733	1,933
Tài sản ngắn hạn khác	259	199	188	202	302
Tài sản dài hạn	**1,216**	**1,216**	**1,213**	**1,230**	**1,237**
Phải thu dài hạn	73.3	73.0	72.8	72.7	76.4
Tài sản cố định	627	609	597	588	576
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.63	0.68	8.19	8.19	7.36
Đầu tư tài chính dài hạn	481	500	503	530	546
Tài sản dài hạn khác	34.4	33.5	32.1	31.4	30.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,694**	**3,129**	**3,112**	**3,199**	**3,566**
Nợ ngắn hạn	**3,656**	**3,091**	**3,076**	**3,148**	**3,516**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	242	44.6	6.39	6.43	59.2
Phải trả người bán ngắn hạn	2,246	1,775	1,860	2,085	2,206
Nợ dài hạn	38.0	38.1	36.1	50.3	50.4
Vay và nợ thuê dài hạn	12.7	12.4	6.39	6.43	6.58
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,034**	**2,154**	**2,178**	**2,275**	**2,264**
Vốn chủ sở hữu	**2,034**	**2,154**	**2,178**	**2,275**	**2,264**
Vốn điều lệ	441	441	441	441	441
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)